

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2024
V/v “Ly hôn, nuôi con và Tranh chấp về cấp dưỡng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.
Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Tự;
- Ông Nguyễn Thành Quyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con và Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HN, ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lý Thị Mộng T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 151/TA, ấp C, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Trần Văn C**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Lý Thị Mộng T (Sau đây gọi chị T) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Trần Văn C (Sau đây gọi anh C) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng chị có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không đoàn tụ được nên chị đã dẫn con về quê mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly

thân từ năm 2021 đến nay. Do cuộc sống C không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh C.

-Về con chung: Có một người con chung tên Trần Lý Hoàng S (Nam), sinh ngày 07 tháng 5 năm 2020. Từ khi ly thân đến nay thì con chung do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu chồng chị cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Trần Văn C vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Ly hôn, nuôi con và Tranh chấp về cấp dưỡng được quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Lý Thị Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Trần Văn C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T: Chị và anh C trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày do anh C có mối quan hệ tình cảm không lành mạnh với người phụ nữ khác là đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Từ đó, vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hòa giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng anh C vắng mặt, chứng tỏ rằng anh cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Trong khi đó, chị T xác định là không còn tình cảm vợ chồng với anh C và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Xét từ khi ly thân đến nay, con chung do chị T nuôi dưỡng, chưa có căn cứ chứng minh là chị T nuôi dạy con không tốt, chị T có yêu cầu được nuôi con. Xét cháu S có đời sống ổn định với chị T. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu S cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh C có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Qua đó yêu cầu cấp dưỡng của chị T có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, về mức cấp dưỡng, theo quy định pháp luật chỉ áp dụng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Như vậy chỉ có căn cứ buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 900.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh C mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về nợ và tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp. Bị đơn phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị Mộng T và anh Trần Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Lý Hoàng S (Nam), sinh ngày 07 tháng 5 năm 2020 cho chị Lý Thị Mộng T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh C có yêu cầu khác.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Lý Thị Mộng T tiền nuôi con chung mỗi tháng là 900.000đ (Chín trăm ngàn đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09 tháng 4 năm 2024) cho đến khi cháu Trần Lý Hoàng S đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Trần Văn C mà không ai có quyền cản trở.

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị Mộng T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006383, ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

6. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Văn C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã A, h. Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm